

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST
Ngày: 30/8/2023
“V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lý Văn Lầy

- *Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Trần Thị Hà

2/ Ông Nguyễn Nam Tiến

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đắc Quốc Tuấn, cán bộ Tòa án huyện Tuy Phong

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Bích
Ngà – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 164/2023/TLST-DS ngày 05/5/2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2023/QĐST-DS, ngày 20/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2023/QĐST-DS ngày 15/8/2023 giữa các đương sự:

1/ **Nguyên đơn:** Ông **Phạm M**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu phố 9, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố 12, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

2/ **Bị đơn:** Vợ chồng ông **Võ Việt Tường G**, sinh năm 1971

Bà **Dương Thị N**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu phố 12, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm M trình bày:**

Giữa ông với vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N quen biết nhau, nên vào ngày 03/12/2019 Dương lịch vợ chồng ông G, bà N có đặt vấn đề vay tiền của ông để làm ăn, vì chỗ quen biết nên ông có đồng ý cho vợ chồng ông G, bà N vay số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03

tháng kể từ ngày 03/12/2019 đến ngày 03/03/2020 thì sẽ thanh toán toàn bộ tiền vay (cả gốc và lãi) cho tôi khi hết thời hạn vay vào ngày 03/03/2020. Lãi suất vay và thời hạn trả lãi vay do hai bên tự thỏa thuận. Hai bên có làm hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công T1. Từ khi vay cho đến nay vợ chồng ông G, bà N không trả gốc và lãi cho ông đồng nào. Ông có đến hỏi thì được biết vợ chồng ông G và bà N có ý định không trả tiền và tuyên bố giết luôn, hơn nữa còn khiêu khích có kiện đâu thì kiện.

Ông Phạm M yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông số tiền gốc 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày vay 03/12/2013 Dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, ông Phạm M chỉ yêu cầu bị đơn là vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N trả số tiền đã vay tổng cộng 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 03/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (30/8/2023) là 44 tháng 27 ngày, nhưng yêu cầu tính tròn tháng là 44 tháng, cụ thể: $(120.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng}) = 79.200.000 \text{ đồng}$. Như vậy cả tiền gốc và tiền lãi suất là: $120.000.000 \text{ đồng} + 79.200.000 \text{ đồng} = 199.200.000 \text{ đồng}$ (Một trăm chín mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng).

*** Đối với bị đơn vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N:**

Theo biên bản xác minh tại Ban cán sự khu phố 12, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận thì vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N có hộ khẩu thường trú tại khu phố 12, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú của vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N vẫn cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng:
 - + Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.
 - + Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.
 - + Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền và nghĩa vụ. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo điều 72 BLTTDS; mặc dù đã được Tòa án tổng đạt nhiều giấy triệu tập, thông báo thụ lý, niêm yết công khai chứng cứ.... nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.
- + Buộc bị đơn là vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N hoàn trả cho ông Phạm M số tiền 199.200.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu, hai trăm

ngàn đồng) bao gồm: số tiền gốc 120.000.000 đồng và tiền lãi là 79.200.000 đồng (120.000.000 đồng x 44 tháng x 1,5%/tháng).

+ Về án phí: Vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T được quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N nhưng tại phiên tòa hôm nay, vợ chồng ông Tường, bà N vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại Tòa hôm nay, nguyên đơn ông Phạm M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho ông. Cụ thể: ông yêu cầu vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải trả cho ông số nợ gốc 120.000.000 đồng và 79.200.000 đồng tiền lãi tính từ ngày vay 03/12/2023 đến phiên tòa sơ thẩm ngày hôm nay 30/8/2023. Tổng số tiền vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải trả cho nguyên đơn là 199.200.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, trong quá trình thu thập chứng cứ và tại Tòa hôm nay, đương sự đã xuất trình các tài liệu chứng cứ của mình là hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công T1, đường 17 tháng 4, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận giữa bên cho vay là ông Phạm M và bên vay là vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N. Hội đồng xét xử xét thấy:

Chứng cứ do nguyên đơn xuất trình trong giai đoạn điều tra thu thập chứng cứ cũng như tại Tòa hôm nay là không thay đổi, hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công T1, đường 17 tháng 4, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận là bản gốc có chữ ký, lấn tay của vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần chấp nhận. Hiện nay do vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N theo quy định, do vợ chồng ông G, bà N không phản hồi ý kiến, không có yêu cầu phản tố, không đến Tòa theo các giấy triệu tập, tự mình từ bỏ quyền và nghĩa vụ nên mặc nhiên các chứng cứ do nguyên đơn xuất trình đảm bảo tính pháp lý. Việc vay tiền của vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N có hợp đồng vay tiền tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Công T1, đường 17 tháng 4, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bình Thuận nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải có nghĩa vụ trả nợ vay cho nguyên đơn với số tiền gốc 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Đối với yêu cầu trả lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định: Việc vay tiền giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có thời hạn, có lãi; yêu cầu tính lãi của nguyên đơn được tính theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử có căn cứ buộc vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn, tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Phạm M chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử tính lãi suất 1,5%/tháng, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn và yêu cầu của nguyên đơn là không trái với cách tính lãi theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, cụ thể số tiền lãi được tính kể từ ngày 03/12/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án (30/8/2023) là 44 tháng 27 ngày, nhưng yêu cầu tính tròn tháng là 44 tháng với lãi suất 1,5%/tháng, cụ thể: $(120.000.000 \text{ đồng} \times 44 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng}) = 199.200.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, buộc vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải trả cho ông Phạm M số tiền 199.200.000 đồng (*Một trăm chín mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử công nhận.

[4] Về phần án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 2 Điều 357, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện giữa nguyên đơn ông Phạm M đối với vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N.

Buộc vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải trả cho ông Phạm M số tiền **199.200.000 đồng** (*Một trăm chín mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của ông Phạm M, nếu vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi trả xong nợ.

- Về án phí: Vợ chồng ông Võ Việt Tường G, bà Dương Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 9.960.000 đồng (*Chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Phạm M số tiền tạm ứng án phí là 3.000.000 đồng ông đã nộp tại biên lai thu số: 0017002, ngày 05/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND (tỉnh+huyện);
- Tòa án tỉnh;
- Các đương sự;
- THA huyện;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Văn Lầy

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hưng Quang - Nguyễn Trọng Di

Lý Văn Lầy